

Số: 226/2019/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025, như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình chưa được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác; cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

- Mức hỗ trợ: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng.

- Nội dung hỗ trợ: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ: Thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

- Mức hỗ trợ: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết nhưng không quá 5 tỷ đồng;

- Nội dung hỗ trợ: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ: Thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

c) Ngoài nội dung hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết, Dự án liên kết còn được ngân sách nhà nước hỗ trợ một số nội dung sau:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông, đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Nguồn kinh phí, mức và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, và vật tư thiết yếu đối với địa bàn khó khăn, huyện nghèo; hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu đối với địa bàn còn lại; hỗ trợ 100% vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 3 vụ hoặc 3 chu kỳ sản xuất (3 năm thu hoạch), hình thức hỗ trợ thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ trên không quá 1 tỷ đồng/năm/dự án liên kết.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, mức hỗ trợ trên không quá 500 triệu đồng.

Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

4. Điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ

Các bên tham gia liên kết được hưởng chính sách hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

b) Có giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

c) Liên kết đảm bảo ổn định: Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm; Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

d) Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Quy mô liên kết tối thiểu trong 1 chu kỳ sản xuất, phải đảm bảo:

- Diện tích liên kết tối thiểu đối với Rau an toàn là 10ha, đối với cây ăn quả có múi, mía ăn tươi, cây dược liệu, gạo chất lượng cao là 20ha.

- Tổng đàn liên kết tối thiểu đối với trâu, bò lai là 300 con, dê lai 500 con, lợn bản địa 4.000 con, gà thả vườn 30.000 con.

- Số lồng nuôi cá liên kết tối thiểu 100 lồng, thể tích lồng tối thiểu 50m³/lồng.

- Rừng keo có thời gian trồng đến khai thác tối thiểu 10 năm, diện tích liên kết tối thiểu 200ha. Rừng trồng tre, bương, lồng, rừng kinh doanh lâm sản ngoài gỗ diện tích liên kết tối thiểu 100ha.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (M03b).

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh